

Số: 1561 /TĐC - HCHQ

Hà Nội, ngày 07 tháng 05 năm 2024

**GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG THỬ NGHIỆM**

Căn cứ Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp;

Căn cứ Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09/11/2018 của Chính phủ sửa đổi bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành;

Căn cứ Quyết định số 08/2019/QĐ-TTg ngày 15/02/2019 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng trực thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Đánh giá hợp chuẩn và hợp quy, Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chứng nhận:

1. Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng (thuộc Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng tỉnh Lâm Đồng)

Địa chỉ: số 230 Hoàng Văn Thụ, phường 1, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

Điện thoại: 02633. 753999/833159 - Fax: 02633. 742222

E-mail: tdc@gmail.com

Đã đăng ký hoạt động thử nghiệm đối với tổng hợp đa ngành trong lĩnh vực: **Hóa học, sinh học** (đối với các sản phẩm, hàng hóa trong Phụ lục danh mục kèm theo).

2. Số đăng ký: 83/TN - TĐC.

3. Giấy chứng nhận này được cấp lần 3 và có hiệu lực đến ngày 18/10/2027./. *kg*

Nơi nhận:

- Trung tâm Kỹ thuật TCĐLCL tỉnh Lâm Đồng;
- Bộ KH&CN (để b/c);
- Lưu: VT, HCHQ.

Q. TỔNG CỤC TRƯỞNG



Hà Minh Hiệp

Phụ lục
DANH MỤC CÁC SẢN PHẨM, HÀNG HÓA
ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG THỬ NGHIỆM
(Ban hành kèm theo Giấy chứng nhận số: 1561/TĐC - HCHQ ngày 07 tháng 05 năm 2024
của Tổng cục trưởng Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng).

TT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Tên phép thử	Phương pháp thử
I. Hóa học			
1.	Nước sạch, uống chai, mật, nước đóng chai, nước thải	Xác định hàm lượng Clo dư tự do	TCVN 6225-2:2021
2.		Xác định hàm lượng sunfat	TCVN 6200:1996
3.		Xác định hàm lượng Chất hoạt động bề mặt	TCVN 6622-1 :2009
4.		Xác định hàm lượng kẽm (Zn)	TCVN 6193:1996
5.		Xác định hàm lượng Molybden (Mo)	PPNB-TN055 (2024) (Tham khảo. TCVN 7929:2008)
6.		Xác định hàm lượng Canxi (Ca), Magie (Mg)	TCVN 6201:1995
7.		Nhiệt độ	TCVN 4557:1988
8.		Xác định hàm lượng Crom (VI) và Crom (III)	TCVN 6658:2000
9.		Xác định hàm lượng dầu mỡ và các sản phẩm dầu mỡ	TCVN 5070:1995
10.		Xác định dư lượng thuốc bảo vệ thực vật nhóm phospho trong nước Dichlorvos Mevinphos Dimethoate Diazinon Disulfoton Parathion-methyl Paraoxon-ethyl Malathion Fenthion Parathion-ethyl Chlorpyrifos Bromophos-methyl Chlorfenvinphos Bromophos-ethyl Ethion	PPNB-TN 056 (2024) (Tham khảo. TCVN 8062:2009)

TT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Tên phép thử	Phương pháp thử
11.	Nước sạch, nước uống đóng chai, nước mặt, nước thải	Xác định dư lượng thuốc bảo vệ thực vật nhóm clo hữu cơ trong nước Cis-Chlordane Trans-Chlordane Oxy-Chlordane Chlorothalonil 2,4' -DDD 4,4' -DDD 2,4' -DDE 2,4' -DDT 4,4' -DDT Dicofol Dieldrin Beta-Endosulfan Endosulfan-sulfate Alpha-HCH Beta-HCH Gamma-HCH Delta-HCH Heptachlor Heptachlor-exo-epoxide Hexachlorobenzene	TCVN 7876:2008
12.	Thực phẩm	Xác định hàm lượng Asen (As)	TCVN 8427:2010
13.		Xác định hàm lượng Chì (Pb)	TCVN 10643:2014
14.		Xác định hàm lượng Cadimi (Cd)	TCVN 10643:2014
15.		Xác định hàm lượng kẽm (Zn)	TCVN 10643:2014
16.		Xác định hàm lượng sắt (Fe)	TCVN 10643:2014
17.		Xác định hàm lượng đồng (Cu)	TCVN 10643:2014
18.		Xác định hàm lượng Antimon (Sb)	TCVN 10643:2014
19.		Xác định hàm lượng chất béo tổng	PPNB-TN058 (2024) (Tham khảo. TCVN 4072:2009, TCVN 10730:2015)
20.		Định tính natri borat và axit boric (hàn the)	TCVN 8895:2012
21.		Xác định hàm lượng đường tổng	PPNB-TN059 (2024) Tham khảo . TCVN 4594:1988

TT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Tên phép thử	Phương pháp thử
22.	Thực phẩm	Xác định hàm lượng Canxi (Ca)	PPNB-TN057 (2023) (Tham khảo. TCVN 9588:2013, AOAC 999.11)
23.		Xác định hàm lượng natri (Na)	PPNB-TN061 (2023) (Tham khảo. TCVN 9588:2013, AOAC 999.11)
24.		Xác định hàm lượng kali (K)	PPNB-TN061 (2023) (Tham khảo. TCVN 9588:2013, AOAC 999.11)
25.		Xác định hàm lượng Protein	PPNB-TN060 (2023) Tham khảo. TCVN 10034:2013
26.		Định tính phẩm màu hữu cơ tan trong nước	TCVN 5517:1991
27.		Xác định độ ẩm và hàm lượng chất khô trong mẫu	PPNB-TN 062 (2024) (Tham khảo. 10TCN842:2006; TCVN 10788:2015)
28.		Định tính Salbutamol	PPNB-TN063 (2024) (Kit test (SAL)-E-FS-C010)
29.		Xác định pH	TCVN 12348:2018
30.		Xác định hàm lượng Carborhydrat	PPNB-TN064 (2024) (Tham khảo. TCVN 4594:1988)
31.		Xác định hàm lượng tinh bột	PPNB-TN065 (2024) (Tham khảo. TCVN 4594:1988)
32.		Năng lượng trong thực phẩm	PPNB-TN066 (2024) (Tham khảo. TCVN 8133 - 1:2009, TCVN 4072:2009, TCVN 4594:1988)
33.		Xác định hàm lượng đường khử	PPNB-TN067 (2024) (Tham khảo. TCVN 4594:1988)
34.		Xác định hàm lượng tanin	PPNB-TN070 (2024) Tham khảo. 3QTTN 134 – 90; AOAC 955.35

TT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Tên phép thử	Phương pháp thử
35.	Thực phẩm	Xác định hàm lượng Afatoxin B1 và Afatoxin tổng (sum of B1,B2,G1,G2)	TCVN 7596 : 2007
36.		Đánh giá cảm quan: tạp chất	PPNB-TN068 (2024) (Tham khảo. Dược điển Việt Nam PL 12.11)
37.		Xác định hàm lượng xơ thô	TCVN 5103:1990
38.		Xác định hàm lượng Orchatoxin A	TCVN 9524:2012
39.		Độ Axit chuẩn độ	PPNB-TN075 (2024) (Tham khảo. TCVN 8210:2009, TCVN 4073:2009)
40.		Xác định hàm lượng Muối (NaCl)	PPNB-TN076 (2024) (Tham khảo. TCVN 8148:2009)
41.		Xác định hàm lượng đường Sarcaroze	PPNB-TN077 (2024) (Tham khảo. TCVN 4594:1988)
42.		Định tính Foocmon	PPNB-TN076 (2024) Kit test FT04
43.	Rau, củ, quả	Định tính dư lượng bảo vệ thực vật thuốc trừ sâu (test kit)	PPNB-TN069 (2024) Tham khảo. Kit test VPR10)
44.		Xác định dư lượng thuốc bảo vệ thực vật nhóm Phosphor: Dichlorvos Mevinphos Dimethoate Diazinon Disulfoton Parathion-methyl Paraaxon-ethyl Malathion Fenthion Parathion-ethyl Chlorpyrifos Bromophos-methyl Chlorfenvinphos Bromophos-ethyl Ethion	PPNB-TN052 (2023) (Tham khảo. TCVN 8319:2010 và AOAC 2007.01)

TT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Tên phép thử	Phương pháp thử
45.	Rau, củ, quả	Xác định dư lượng thuốc bảo vệ thực vật nhóm Cúc: Bifenthrin Cyfluthrin Cypermethrin Deltamethrin Fenvalerate Permethrin Phenothrin	PPNB-TN050 (2024) (Tham khảo. TCVN 8319:2010 và AOAC 2007.01)
46.		Xác định dư lượng thuốc bảo vệ thực vật nhóm Chlor: Cis-Chlordane Trans-Chlordane Oxy-Chlordane Chlorothalonil 2,4' -DDD 4,4' -DDD 2,4' -DDE 2,4' -DDT 4,4' -DDT Dicofol Dieldrin Beta-Endosulfan Endosulfan-sulfate Alpha-HCH Beta-HCH Gamma-HCH Delta-HCH Heptachlor Heptachlor-exo-epoxide Hexachlorobenzene	PPNB-TN051 (2024) (Tham khảo. TCVN 8319:2010 và AOAC 2007.01)
47.	Phân bón	Xác định hàm lượng fulvic	TCVN 8561:2010
48.	Thức ăn chăn nuôi	Xác định hàm lượng asen As	TCVN 8427:2010
49.		Xác định hàm lượng thủy ngân (Hg)	TCVN 7604:2007
50.		Xác định hàm lượng chì (Pb)	TCVN 10643:2014
51.		Xác định hàm lượng cadimi (Cd)	TCVN 10643:2014
52.		Xác định hàm lượng kẽm (Zn)	TCVN 10643:2014
53.		Xác định hàm lượng Aflatoxin B1	TCVN 9126:2011

TT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Tên phép thử	Phương pháp thử
54.	Thức ăn chăn nuôi	Xác định hàm lượng chất béo	TCVN 4331:2001
55.	Cà phê nhân	Phương pháp kiểm tra ngoại quan, xác định tạp chất lạ và khuyết tật.	TCVN 4808 : 2007
56.		Xác định hàm lượng Orchatoxin A	TCVN 8426:2010
57.	Chè	Xác định hàm lượng Catechin	TCVN 9745-2:2013
58.		Xác định tạp chất lạ	TCVN 5615:1991
59.		Xác định tạp chất sắt	TCVN 5614:1991
60.	Trà, cà phê	Xác định aflatoxin trong trà, cà phê	TCVN 7930:2008
61.	Thuỷ sản	Phát hiện Ure trong thuỷ sản	TCVN 8344 : 2010
62.	Atiso (tươi và cao atiso)	Xác định hàm lượng Cynarin	PPNB-TN071 (2024) (Tham khảo. Dược điển Việt Nam V, tập 2)
63.	Chất tẩy rửa	Xác định hàm lượng asen (As)	PPNB-TN072 (2024) Tham khảo. TCVN 8427:2010 và TCVN 6971:2001
64.		Xác định hàm lượng thủy ngân (Hg)	PPNB-TN073 (2024) Tham khảo. TCVN 7604:2007 và TCVN 6971:2001
65.		Xác định hàm lượng chì (Pb)	PPNB-TN074 (2024) Tham khảo. TCVN 10643:2014 và TCVN 6971:2001
66.		Xác định hàm lượng chất hoạt động bề mặt	TCVN 6971:2001
67.	Xà phòng bánh	Xà phòng tắm dạng bánh – yêu cầu kỹ thuật (kết cấu bánh, màu, mùi)	TCVN 2224:1991
68.		Xác định chỉ tiêu cảm quan	TCVN 1557:1991
69.		Xác định khối lượng bánh xà phòng	TCVN 1557:1991
70.		Xác định hàm lượng natri hiđroxit (kiềm tự do)	TCVN 1557:1991
71.		Xác định hàm lượng natri cacbonat	TCVN 1557:1991

TT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Tên phép thử	Phương pháp thử
72.	Xà phòng bánh	Xác định tổng hàm lượng các chất hữu cơ không bị xà phòng hóa.	TCVN 1557:1991
73.		Xác định hàm lượng các chất hữu cơ không bị xà phòng hóa và các chất béo chưa xà phòng hóa	TCVN 1557:1991
74.		Xác định hàm lượng các chất béo chưa xà phòng hóa	TCVN 1557:1991
75.		Xác định hàm lượng natri clorua	TCVN 1557:1991
76.	Bia	Xác định Etanol	TCVN 5562:2009
77.	Mật ong và sản phẩm ong	Phương pháp thử cảm quan	TCVN 5262:1990
78.		xác định chất rắn không tan trong nước	TCVN 5264:1990
79.	Ngũ cốc và sản phẩm ngũ cốc	Xác định độ acid	TCVN 8210:2009
80.		Xác định độ ẩm và chất bay hơi khác	TCVN 9706:2013
II. Sinh học			
1	Thực phẩm	Xác định hàm lượng Salmonella	TCVN 10780-1:2017
2	Nước mặt, nước tưới	Xác định hàm lượng Fecal.Coli	SMEWW 9221E:2017

Ghi chú:

- PPNB-xxx...: *Phương pháp thử nội bộ của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Lâm Đồng.*
- AOAC: *Association of Official Agricultural Chemists*
- SMEWW: *Standard Methods for the examination of Water and Wastewater*
- *Đối với các sản phẩm, hàng hóa thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia liên quan và các Văn bản quy phạm pháp luật để quản lý, Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng tỉnh Lâm Đồng phải thực hiện theo các quy định này trước khi thực hiện thử nghiệm.*